

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**
Bản án số: **102/2022/HSST**
Ngày: 12/12/2022.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thành Đô;
Ông Trần Đức Hòa;
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** Ông An Bắc Lừng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 101/2022/HSST ngày 18 tháng 11 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2022/QĐXXST – HS ngày 30 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Hoàng Tr**, sinh năm 2003 tại tỉnh Bình Phước.

Chứng minh nhân dân số: 285853931 cấp ngày 27/10/2020.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn L và bà Hoàng Thị Th; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. (*có mặt tại phiên tòa*)

- ***Bị hại:*** Phan Chính T, sinh năm 1997 (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Nguyễn Văn N, sinh năm 1988 (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 08/6/2022, anh Phan Chính T là công nhân làm chung công ty với Lê Hoàng Tr đưa thẻ ATM ABBANK (Ngân hàng Thương mại Cổ phần A) và cung cấp mật khẩu nhờ Lê Hoàng Tr đi rút 1.000.000 đồng tại trụ ATM

của Ngân hàng Sacombank ở khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Sau khi rút được tiền, Lê Hoàng Tr mang về đưa lại thẻ và tiền cho anh Phan Chính T. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi anh Phan Chính T và Lê Hoàng Tr đang làm việc tại phân xưởng của Công ty TNHH Fr thuộc khu Đ, thị trấn Đ thì anh Phan Chính T bỏ túi xách tại chỗ làm rồi đi ra ngoài. Lê Hoàng Tr nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của anh Phan Chính T, nên Lê Hoàng Tr đi lại mở túi lấy 01 điện thoại OPPO A76, màu đen và 01 thẻ ATM ABBANK. Do biết mật khẩu nên Lê Hoàng Tr đến trụ ATM của Ngân hàng Sacombank rút 3.000.000 đồng và mang điện thoại đến tiệm điện thoại “Thu Th” do anh Nguyễn Văn N làm chủ bán được 2.000.000 đồng. Khi phát hiện mất tài sản, anh Phan Chính T đến Công an thị trấn Đ trình báo việc bị trộm cắp tài sản. Sau đó, Công an thị trấn Đ mời Lê Hoàng Tr lên làm việc, Lê Hoàng Tr thừa nhận hành vi trộm cắp của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 91/KL-ĐG ngày 13/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bù Đăng, xác định: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A76, màu đen tại thời điểm xảy ra tội phạm có giá trị là 5.091.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu OPPO và 01 thẻ ATM Abbank không thu hồi được.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phan Chính T nhận tiền bồi thường, không có yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 101/CT –VKS.BĐ ngày 18/11/2022, của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Lê Hoàng Tr về Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Hoàng Tr phạm Tội trộm cắp tài sản.

Về hình phạt, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Hoàng Tr từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng

Bị cáo Lê Hoàng Tr thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều

tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại Công ty TNHH Fr thuộc khu Đ, thị trấn Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, Lê Hoàng Tr có hành vi lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu OPPO có giá trị 5.091.000 đồng và 01 thẻ ATM ABBANK. Lê Hoàng Tr mang ra trụ ATM rút 3.000.000 đồng của anh Phan Chính T. Tổng số tiền chiếm đoạt là 8.091.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Lê Hoàng Tr đã phạm vào Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, chỉ vì lười lao động nhưng lại muốn có tiền tiêu xài. Bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả. Bị cáo có gia đình hoàn cảnh khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị: Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Xét thấy, không cần thiết tiếp tục cách ly bị cáo mà cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo về chính quyền địa phương và gia đình giám sát

giáo dục để bị cáo trở thành người có ích cho xã hội là phù hợp. Do đó, mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị có phần hơi nghiêm khắc với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và các quy định của pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu OPPO và 01 thẻ ATM Abbank không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo là công nhân lao động có thu nhập thấp nên miễn chấp hành hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Đối với anh Phan Văn N là chủ tiệm điện thoại Thu Th không biết điện thoại mà Lê Hoàng Tr bán là do Lê Hoàng Tr trộm. Lê Hoàng Tr không nói và không hứa hẹn gì trước với anh Phan Văn N nên hành vi của Phan Văn N không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không xem xét xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận tiền bồi thường là 10.000.000đ, không có yêu cầu gì thêm về mặt dân sự nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng Tr phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Hoàng Tr 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/12/2022).

Giao bị cáo Lê Hoàng Tr về Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Hoàng Tr phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước.
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh